



TUẦN 9 (2016)

- 1. Sự kết thúc của Chủ nghĩa đa văn hóa?
Nhập cư và sự hòa nhập ở Đức và Vương quốc Anh**
- 2. Chuyện hoang đường của Châu Âu**
- 3. Sự thăng trầm của Phương Tây**
- 4. Vai trò của Vương quốc Anh và Mỹ trong các quá trình toàn cầu hóa**
- 5. Xây dựng xã hội từ lòng hào hiệp và chính sách phát triển Châu Âu**
- 6. Nicolas Sarkozy và những cải cách**
- 7. Siêu cường không có quyền về hưu:
Đất nước chúng ta mệt mỏi sẽ nợ gì thế giới?**
- 8. Khủng hoảng ngành năng lượng sạch Hoa Kỳ
Thực tế ảm đạm của nguồn năng lượng tái tạo**
- 9. Thế kỷ Thái Bình Dương của Mỹ**
- 10. Sự bùng nổ trong thế giới Ả Rập: Bối cảnh bên trong và bên ngoài**

Tổ chức nội dung:
NGUYỄN THÁI BÌNH

Biên tập nội dung:
TS. NGUYỄN THỊ KIM THANH

**ThS. NGUYỄN KIM ANH, ThS. LÊ THỊ HƯỜNG, NGUYỄN VIỆT QUÂN,
ThS. NGUYỄN THỊ THẢO, ThS. TRẦN MINH VĂN, NGUYỄN THÀNH CHUNG, BÙI THỊ XUÂN**

Thiết kế, trình bày:
NGUYỄN THẠCH NGỌC

SỰ KẾT THÚC CỦA CHỦ NGHĨA ĐA VĂN HÓA? NHẬP CƯ VÀ SỰ HÒA NHẬP Ở ĐỨC VÀ VƯƠNG QUỐC ANH*

LAURA MUCHOWIECKA

Trong một thời gian ngắn, nhập cư đã trở thành một trong những vấn đề lớn trong đời sống chính trị châu Âu và dư luận xã hội đặt câu hỏi về hiện trạng của những khái niệm như quyền công dân, tính dân tộc và sự gắn kết cộng đồng. Sự di cư bên trong biên giới của Liên minh châu Âu và, trên hết, sự nhập cư của người nước ngoài đã dẫn tới một hiện tượng được mô tả là chủ nghĩa đa văn hóa. Như Elliot và Lemert đề cập, ý niệm về chủ nghĩa đa văn hóa - mà gần đây được tuyên bố là một mô hình mới của không chỉ các nhà nước hiện đại tự do kiểu mới như Canada, Australia hay Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, mà còn của những nước ở Cựu Lục địa như Pháp, Hà Lan, Vương quốc Anh hay Đức, - ngày càng ít nhận được sự ủng hộ của mọi người. Sự ủng hộ, nếu đã từng có ở chừng mực nào đó, trở thành thái độ ác cảm chính thức và phổ biến đối với cả một vài nhóm nhập cư lẫn các cộng đồng sắc tộc thiểu số theo đúng nghĩa, và đối với chủ nghĩa đa văn hóa như là hệ tư tưởng của một chiến lược chính trị nói riêng. Thậm chí, có vẻ như là ý niệm đó trở thành vật tế của vài vấn đề xã hội như sự chia rẽ, đói nghèo, sự gia tăng về tỷ lệ tội phạm và thất nghiệp, chủ nghĩa cực đoan, các cuộc tấn công khủng bố, khi đề cập đến ngoài mấy lời buộc tội.

“Phần lớn giống như các vấn đề khó chịu khác của thời đại - chủ nghĩa hậu hiện đại, toàn cầu hóa, chủ nghĩa khủng bố, v.v. - ý tưởng thuần túy về chủ nghĩa đa văn hóa - ý thức hệ - gây lo ngại quá mức so với những gì trên thực tế có thể xảy ra. Sự thực là cái thế giới mà nhiều người cho là họ đang sống trong đó thực sự đa dạng... Song, kỳ lạ là, vào lúc còn thịnh hành từ những năm 1990 khi ngày càng nhiều người bắt đầu tuyên bố đa văn hóa là một cách tư duy về các thế giới, thì những lời tuyên xưng của họ thường được chào đón với thái độ hoang mang”.

Những câu hỏi chủ chốt mà luận án này sẽ tìm cách giải đáp có liên quan tới những phản đối này. Những lời buộc tội này có chính đáng không và nếu có thì ở phương diện nào? Những băn khoăn và lo ngại nào của xã hội hay được đề cập nhất về những người nhập cư và những thay đổi mà người nhập cư mang tới? Các nhà chức trách và các chính phủ có phản ứng gì trước sự định cư lâu dài của các dòng người nhập cư khác nhau? Để giải quyết các vấn đề này, trước hết, tôi sẽ xem xét những nguyên nhân gốc rễ và khảo sát xem làm thế nào mà một số xã hội phương Tây lại trở nên đa dạng đến vậy về mặt sắc tộc, đâu là các nhóm nhập cư chính và họ hòa nhập như thế nào vào xã hội nước chủ nhà. Và cuối cùng: có hợp lý

* The International Student Journal (Hà Lan), tập 5, số 6-2013.

không khi nói đến sự khủng hoảng hay thậm chí là sự sụp đổ của chủ nghĩa đa văn hóa?

Những nước được chọn để phân tích là Vương quốc Anh và Đức. Từ khi kết thúc cuộc chiến tranh thế giới thứ II, cả Đức và Anh đều là điểm đến của các dòng người di cư khác nhau. Luận án này được chia thành 2 chương, trong đó mô tả sự hòa nhập của những người có nguồn gốc nhập cư, sau đó đưa ra cái nhìn khái quát về các chủ đề tranh luận chính đề cập đến vấn đề nhập cư và chủ nghĩa đa văn hóa. Để hiểu được ý nghĩa của những vấn đề được bàn đến trong luận án này, cần phải đưa ra cơ sở lý luận và giải thích thuật ngữ “chủ nghĩa đa văn hóa”.

Chủ nghĩa đa văn hóa là gì?

“Theo học thuyết chủ nghĩa đa văn hóa của nhà nước, chúng ta khuyến khích các nền văn hóa khác nhau sống cách biệt, tách rời nhau và tách khỏi dòng chảy chính. Chúng ta không đưa ra một hình ảnh xã hội mà họ cảm thấy họ muốn thuộc về. Chúng ta lại còn cho phép những cộng đồng tách biệt này hành xử theo những cách thức hoàn toàn trái ngược với các giá trị của chúng ta”.

Những lời này của Thủ tướng Anh David Cameron nằm trong bài phát biểu của ông tại Hội nghị An ninh Munich vào tháng 2 năm 2011. Sự chỉ trích của ông về chính sách đa văn hóa lâu năm đã khuấy lên một cuộc tranh luận công khai về cái được cho là sự khủng hoảng hay thậm chí là sự thất bại của chủ nghĩa đa văn hóa. Những nhận xét phê phán của ông cũng nhắc đến một tuyên bố thường được trích dẫn của Thủ tướng Đức Angela Merkel vào tháng 10 năm 2010. Bà đưa ra những nghi ngờ của mình về chủ nghĩa đa văn hóa theo một cách thức kém phần tinh tế hơn khi tuyên bố những nỗ lực

của đất nước tạo ra một xã hội đa văn hóa đã “hoàn toàn thất bại”. Họ chỉ là hai trong số ngày càng nhiều các nhà lãnh đạo châu Âu buộc phải đi đến cùng một kết luận về các cộng đồng thiểu số người nhập cư và sự thích nghi được cho là không thành công của họ vào các xã hội châu Âu.

Như vậy, rõ ràng là chủ nghĩa đa văn hóa trở thành một vấn đề gây căng thẳng và lo ngại trong đời sống chính trị châu Âu trong những năm gần đây. Nó cũng được phản ánh trong các chuyên luận khoa học. Hãy nhìn vào một số tiêu đề gần đây của các học giả về vấn đề này như: *Phản đối chủ nghĩa đa văn hóa, Sự kết thúc của chủ nghĩa đa văn hóa? Chủ nghĩa khủng bố, hội nhập và quyền con người: sự khủng hoảng và những thách thức mới?, Sự thật được thuật lại: những diễn biến của cuộc khủng hoảng chủ nghĩa đa văn hóa; Suy xét lại chủ nghĩa đa văn hóa - là đủ để đồng ý rằng chủ đề này cũng gây tranh cãi trong các học giả. Những gì mà ba thập kỷ qua được coi là giải pháp cho một số vấn đề kinh tế và xã hội và là sự mở rộng vinh quang của các phong trào nhân quyền, thì giờ đây ngày càng bị nhiều người đặt câu hỏi. Các lý do cho sự thay đổi này trong cách nhận thức về nó là rất phức tạp. Nhưng trước khi đưa ra những “cái cớ” chủ yếu về chủ nghĩa đa văn hóa ở Anh và Đức, cần phải nói về thuật ngữ “chủ nghĩa đa văn hóa”.*

Phần khó khăn của chủ nghĩa đa văn hóa là ý nghĩa của nó mơ hồ và dễ thay đổi.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

CHUYỆN HOANG ĐƯỜNG CỦA CHÂU ÂU*

GARETH HARDING

Cuộc khủng hoảng tại châu Âu không thực sự chỉ xoay quanh câu chuyện tiền bạc. Mà đúng hơn đó là một tiểu thuyết đã và đang tồn tại.

Khi đồng euro chính thức được đưa vào lưu thông sau tiếng chuông đổ lúc nửa đêm 1/1/2002, các màn pháo hoa đã làm bùng sáng màn trời đêm khắp châu Âu để tiễn biệt đồng franc Pháp, mark Đức, drachma Hy Lạp và một số đồng tiền lâu đời khác. Tại Brussels diễn ra một màn trình diễn tràn ngập âm thanh và ánh sáng, còn Frankfurt công bố bức tượng một đồng tiền cao bằng tòa nhà 5 tầng mới được đúc ra trong khi ban nhạc pop xướng vang ca khúc “With Open Arms” (bài hát quảng bá đồng euro ra thế giới). Chủ tịch ngân hàng trung ương châu Âu Wim Duisenburg tin tưởng rằng việc phát hành đồng tiền xu và tiền giấy euro “sẽ xuất hiện trong sách sử của tất cả các nước chúng ta và mở ra một kỷ nguyên mới tại châu Âu”.

Cảm giác đầu những năm 2000 giống như thời khắc của riêng châu Âu vậy. Những nhà nghiên cứu chính sách ở cả hai bờ Đại Tây Dương ví đây như sự xuất hiện đầy quyến rũ trên sân khấu toàn cầu. Trên tạp chí Foreign Policy năm 2004, tác giả Parag Khanna đã miêu tả cái Liên minh châu Âu “cá tính” ấy như “một siêu cường lồi cuồn” oai vệ bước qua nước Mỹ cường tráng nhưng què mùa trên sàn diễn ngoại giao toàn cầu. Cuối năm

đó, nhà kinh tế học Jeremy Rifkin cũng viết một bài tán tụng dài bằng cả cuốn sách có tựa đề, “Giấc mơ châu Âu: Vì sao tầm nhìn tương lai của châu Âu đang âm thầm che khuất Mỹ”, tiếp sau là cuốn sách bán chạy nhất của phóng viên tờ Washington Post T.R. Reid, “Nước Mỹ của châu Âu: Siêu cường mới và cái kết cho vị thế số 1 của Mỹ”. Năm 2005, chuyên gia chính sách đối ngoại Mark Leonard đưa ra lời giải thích cho câu hỏi “Tại sao châu Âu sẽ thống trị thế kỷ XXI”.

Ai đó sẽ tự hỏi, liệu những cuốn sách ấy có bán chạy được nữa hay không ở thời điểm hiện nay, khi mà giấc mơ châu Âu đã trở thành cơn ác mộng đối với nhiều người, khi đồng euro đang mấp mé bờ vực sụp đổ và cái liên minh khai sinh ra nó đang sa lầy trong bộ 3 cuộc khủng hoảng mà sẽ phải mất hàng năm, nếu không nói hàng thập kỷ, mới có thể giải quyết xong.

Trước tiên, đó là thảm họa kinh tế. Giông như nước Mỹ, châu Âu đang trải qua cuộc khủng hoảng tài chính khắc nghiệt nhất kể từ những năm 1930. Thất nghiệp cao, hơn 20% ở Tây Ban Nha năng động trước đây, trong khi tăng trưởng gần như không tồn tại, ngân hàng đổ vỡ, và các chính phủ mắc nợ vẫn không thể chạy đâu ra tiền. Một số nước, trong đó có Anh, Hy Lạp, Ireland, Italy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha đang phải đối mặt với một tương lai đầy khó khăn cho cả một thế hệ.

* Foreign Policy (Mỹ), tháng 1 và 2-2012.

Thứ hai, khủng hoảng kinh tế kéo theo cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc nhất từng diễn ra ở liên minh châu Âu. Dự án tham vọng nhất của tổ chức này, phát hành đồng tiền chung duy nhất, đang đứng trước nguy cơ đổ bể. Nguyên tắc tự do di chuyển con người, một hòn đá tảng nữa trong quá trình nhất thể hóa của EU, đang gặp thách thức lớn khi một số nước lại tái ban hành lệnh kiểm soát biên giới, cả châu Âu đang mong mỗi trông đợi một giới lãnh đạo có tầm nhìn xa trông rộng. Và các cử tri bất mãn lần lượt sang chủ nghĩa dân túy phản đối nhập cư. Trong bài diễn văn hàng năm hồi tháng 9 năm ngoái, Chủ tịch Ủy ban châu Âu José Manuel Barroso đã thừa nhận: “Chúng ta đang phải đối mặt với thách thức lớn nhất trong lịch sử của Liên minh”. Một tháng sau, thủ tướng Đức Angela Merkel miêu tả mối đe dọa đối với đồng euro là “cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất của châu Âu kể từ khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ 2”. Lần đầu tiên trong 20 năm qua, khả năng tan vỡ của Liên minh châu Âu không còn là câu chuyện khoa học viễn tưởng, mà là một nguy cơ có thật, cho dù khó xảy ra.

Liên minh châu Âu được xây dựng dựa trên câu chuyện thần thoại rằng châu Âu là một dân tộc có định mệnh chung - một “liên minh mật thiết hơn bao giờ hết”, theo ngôn từ của Hiệp định Rome năm 1957 về thành lập cái mà sau này được gọi là Cộng đồng kinh tế châu Âu. Châu Âu đang ngộ ra rằng những khác biệt giữa các vùng và quốc gia sẽ không thể dung hòa và người châu Âu suy nghĩ và hành động cũng chẳng ai giống ai. Quan điểm của Anh về vai trò của nhà nước quá khác với quan điểm của Pháp. Quan điểm của Hy Lạp hay Italy về luật pháp cũng

chẳng hề giống của Thụy Điển hay Đan Mạch. Các khoản thuế mà người Ireland phải nộp cũng không phải là mức thuế áp dụng với người Đan Mạch hay người Bỉ.

Sự thiếu thống nhất này chính là cuộc khủng hoảng thứ ba và cũng là cuộc khủng hoảng sâu sắc nhất, là nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến các tai ương về kinh tế và chính trị ở châu lục này. Phần đông người châu Âu đều không biết rõ EU đại diện cho cái gì trên thế giới, điều gì gắn kết người dân châu lục lại với nhau, nó xuất phát từ đâu trong quá khứ và rồi nó sẽ đi về đâu trong tương lai. Sau hơn 60 năm hội nhập của EU, với 200.000 trang luật và một chồng (vẫn đang dày lên) các hiệp ước quốc tế, họ đã xây dựng thành công một Liên minh châu Âu dù không hề tồn tại những con người mang quốc tịch châu Âu (theo nghĩa như công dân của một quốc gia).

“Vâng, đúng vậy, nhưng người châu Âu nghĩa là như thế nào?”

Câu hỏi từ một sinh viên, đối với tôi, lẽ ra phải quá dễ tìm ra câu trả lời chứ. Nhưng, tôi sinh ra ở Wales và sống ở châu Âu lục địa - Oslo, Prague và Brussels - trong gần 25 năm qua. Tôi đã đến tất cả các nước EU, trừ Malta. Tôi nói được một số tiếng châu Âu và học đại học ngành lịch sử và chính trị châu Âu. Tôi làm việc ở Ủy ban châu Âu và Nghị viện châu Âu. Bạn bè thân thiết nhất của tôi là những người Hà Lan, Đức, Slovakia và Thụy Điển.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

SỰ THĂNG TRẦM CỦA PHƯƠNG TÂY*

ROGER C. ALTMAN

Tại sao Mỹ và châu Âu sẽ tiến mạnh hơn từ cuộc khủng hoảng tài chính

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 và cuộc Đại Suy thoái đã kéo theo những ảnh hưởng khắc nghiệt đối với nền kinh tế Mỹ và cuộc sống của hàng triệu người dân Mỹ. Song nền kinh tế Mỹ sẽ nổi lên mạnh mẽ hơn so với trước và tái cơ cấu trên diện rộng. Châu Âu cuối cùng sẽ trải nghiệm một sự củng cố tương tự, mặc dù tương lai của nó ít chắc chắn hơn và sự phục hồi cũng sẽ mất nhiều thời gian hơn. Hoa Kỳ mất nhiều thời gian hơn nữa vì cuộc khủng hoảng tài chính đã xảy ra ba năm trước châu Âu, trong năm 2008, gây ra những cơn gió ngược mà đã tạo áp lực cho nó suốt từ đó. Sẽ mất thêm 2-3 năm nữa để những ảnh hưởng này giảm dần, nhưng sau đó, kinh tế Mỹ tăng trưởng tốt hơn mong đợi. Ngược lại, châu Âu vẫn còn ở giữa cuộc khủng hoảng tài chính. Nếu lý luận theo lịch sử thường xảy ra nhiều lần tại đây, sẽ mất 4-6 năm mới hiện thực hóa được sự tăng trưởng mạnh mẽ ở châu Âu.

Việc củng cố như vậy ở cả hai khu vực sẽ diễn ra vì một nguyên nhân quan trọng: những năm khủng hoảng đã kích hoạt tái cơ cấu kinh tế rộng rãi. Những thay đổi sâu rộng trong các nguồn tài chính của chính phủ, hệ thống ngân hàng, và sản xuất đang được tiến hành, cũng như những cải cách cơ cấu trong thị trường lao động. Tất cả những điều này

đang một lần nữa chứng minh rằng các thị trường vốn toàn cầu, lực lượng kinh tế mạnh nhất trên trái đất, có thể ảnh hưởng đến những thay đổi vượt quá khả năng của các quá trình chính trị bình thường. Và trong trường hợp này, chúng có thể bác bỏ tất cả các dự báo về suy giảm kinh tế của phương Tây. Thật vậy, trong những năm tới, Mỹ và châu Âu có thể lại một lần nữa trở thành những đầu tàu cho sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Đây không phải là để nói rằng các cuộc khủng hoảng đã đem lại nỗi đau, phần lớn chúng chắc chắn không như thế. Sự đau khổ trên cả hai bờ của Đại Tây Dương có thể cảm nhận được do thất nghiệp và các biện pháp khắc khổ của chính phủ. Đó là bi kịch mà rất nhiều người đã bị mất việc làm và sẽ không bao giờ có lại được. Và đó là tính ăn mòn mang tính xã hội mà các cuộc khủng hoảng đã nhấn mạnh các xu hướng hiện tại hướng đến tình trạng thu nhập bất bình đẳng lớn hơn. Tuy nhiên, những sự kiện này đã xảy ra, và đối tượng được giải quyết ở đây là tác động lâu dài của chúng.

Nền kinh tế Mỹ đã được phát triển - cho dù thất thường - từ đáy của suy thoái kinh tế, trong tháng 6 năm 2009. Tuy nhiên, châu Âu lại đi theo một thời gian biểu hoàn toàn khác. Không giống như những điều ở Hoa Kỳ, hệ thống tài chính của châu Âu đã không nổ tung vào năm 2008. Có những vấn đề

* Foreign Affairs (Mỹ), tháng 1 và 2-2013.

nghiêm trọng xảy ra ở Ireland và Vương quốc Anh, nhưng các thị trường vốn đã không phải nổi dậy chống lại toàn châu Âu, và do đó không có một phản ứng tài chính hoặc tiền tệ lớn lao nào. Mãi cho đến năm 2012, khi nợ công và khủng hoảng ngân hàng va toàn lực vào lục địa, thì khu vực đồng tiền chung châu Âu mới phải đối mặt với những vấn đề mà đã làm điều đứng nền kinh tế Mỹ trong năm 2008-2009. Tính đến nay, GDP của khu vực đồng euro vẫn còn co lại, và suy thoái kinh tế của nó có thể chưa chạm đáy. Sau khi trải qua cuộc khủng hoảng đầu tiên, Hoa Kỳ hiện đứng trước con đường khôi phục ngắn hơn. Nhưng nếu các nước châu Âu có thể cơ cấu lại nền kinh tế của họ bằng mức của Hoa Kỳ, họ sẽ có lý do để lạc quan.

Các kinh tế gia Carmen Reinhart và Kenneth Rogoff đã lập luận rằng thời kỳ phục hồi kinh tế sau khủng hoảng tài chính chậm hơn, dài hơn, và hỗn loạn nhiều hơn so với những cuộc suy thoái bị gây ra bởi chu kỳ kinh doanh. Phục hồi chậm chạp một cách đau đớn tại Hoa Kỳ và sự căng thẳng kinh tế rõ ràng ở châu Âu đã chứng minh lập luận này. Nhưng lịch sử được chứng minh bằng nhiều ví dụ của các nước có nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ hơn sau những vụ nổ tài chính. Sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998, Hàn Quốc chấp nhận một gói cứu trợ khó khăn từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), củng cố hệ thống tài chính, và tăng tính linh hoạt của thị trường lao động của mình, ngay sau đó, quốc gia này được hưởng một sự bùng nổ kinh tế. Ở Mexico, nền kinh tế đã hoạt động tốt suốt từ sự sụp đổ của đồng peso và gói giải cứu của Mỹ năm 1994. Một hiện tượng tương tự đã xảy ra trong các nước Mỹ Latinh theo sau các cuộc khủng hoảng nợ

công ở đó vào cuối những năm 1980. Mặc dù các cuộc khủng hoảng tài chính này có quy mô nhỏ hơn so với sự sụp đổ năm 2008 tại Hoa Kỳ, nhưng chúng đi theo cùng một khuôn mẫu, với các thị trường vốn từ chối trật tự cũ - và sau đó đem đến việc tái cơ cấu kinh tế quan trọng.

Tái cơ cấu ở Hoa Kỳ

Tại sao các cuộc khủng hoảng gần đây rất cuộc đã củng cố nền kinh tế Mỹ và châu Âu? Tại Hoa Kỳ, khu vực nhà đất đang hồi sinh, một cuộc cách mạng trong sản xuất năng lượng, một hệ thống ngân hàng sửa đổi, một ngành công nghiệp sản xuất hiệu quả hơn sẽ cung cấp lực đẩy cho một sự bùng nổ. Trong khi đó, việc tái tranh cử của Tổng thống Barack Obama và “vách đá tài chính” hiện ra mờ đã làm tăng triển vọng một sự nhượng bộ lớn về cắt giảm thâm hụt ngân sách và một giải pháp cho vấn đề nợ của đất nước.

Trước hết, thị trường nhà đất Hoa Kỳ sau khi bị sụp đổ thảm khốc hiện đang sẵn sàng cho sự tăng trưởng lớn kéo dài nhiều năm. Trong lịch sử, khi lĩnh vực nhà đất của Mỹ đã bị đẩy xuống đủ xa trong thời gian đủ dài, nó lại dần dần hồi phục đến mức rất cao. Trước cuộc khủng hoảng gần đây, bong bóng nhà đất đã tăng cao đến mức mà khi nó vỡ, lĩnh vực này thực sự sụp đổ. Giữa năm 2000 và 2004, trung bình có 1,4 triệu căn nhà gia đình được xây dựng mỗi năm, nhưng con số này giảm xuống 500.000 sau khủng hoảng và giữ nguyên ở đó cho đến gần đây.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:

VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC

Điện thoại: 04 62827862;

E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

VAI TRÒ CỦA VƯƠNG QUỐC ANH VÀ MỸ TRONG CÁC QUÁ TRÌNH TOÀN CẦU HÓA*

A.V.KUZNESOV

Khó có thể đánh giá lại vai trò của nước Anh trong việc hình thành các giá trị văn minh toàn cầu. Nhờ cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII-XIX, nước Anh trở thành nước đầu tiên trong số các siêu cường phương Tây thực hiện bước chuyển không mấy dễ dàng từ nền sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp. Nhờ xác lập được sự thống trị về thương mại - quân sự trên biển, thực thi chính sách thuộc địa cứng rắn và chính sách thương mại khéo léo cũng như nhờ việc khai thác các công nghệ đổi mới có tính đột phá trong sản xuất và công nghiệp mà sản phẩm của nước Anh đã nhanh chóng được phổ biến ra toàn thế giới. Nước Anh đã trở thành “công xưởng công nghiệp” của thế giới về chế tạo hàng tiêu dùng cá nhân và chính nhờ đó đã thấy trước được thời kỳ tiêu dùng phổ biến và sự sùng bái xã hội tiêu dùng vốn đang thịnh hành trong xã hội hiện đại.

Trong thời kỳ trị vì của Nữ hoàng Victoria (1837-1901), nước Anh đã xâm chiếm và nô dịch gần như toàn thế giới, trở thành chủ nhân toàn quyền của thế giới. Điều đó đã củng cố niềm tin của mẫu quốc vào sứ mệnh khai hóa toàn cầu đặc biệt của mình. Các thuộc địa đã nhiều lần thử nổi dậy chống lại sự bá chủ của nước Anh nhưng tất cả các cuộc dấy nghĩa đều đã bị đàn áp một

cách khốc liệt. Duy nhất chỉ có 13 bang ở Bắc Mỹ là giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

Trong một thời gian dài, nước Anh đã không thể đành lòng với việc bị mất các lãnh địa Bắc Mỹ của mình. Chẳng hạn, Bộ trưởng bộ thuộc địa Joseph Chamberlain khi có mặt ở châu Mỹ nhằm tuyên truyền cho việc thành lập liên minh thuế quan với nước Mỹ và Canada, trong bài phát biểu của mình ở Philadelphia, đã nói: “Tôi không coi mình là người xa lạ ở châu Mỹ. Tôi đồng ý với nhà ngoại giao - người dường như đã nói với hoàng tử Xứ Wales rằng, đã đến lúc toàn nhân loại sẽ được chia thành 3 loại: người Mỹ, người Anh và người nước ngoài”. Tuyên bố này không chỉ là một chấn động vô căn cứ. Bởi vì cả sau khi Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland đã hoàn toàn thừa nhận thực tế về sự tồn thất của nước Mỹ và sự tan rã chính thức của đế chế thuộc địa Vương quốc Anh trong nửa sau thế kỷ XX, nước Anh vẫn không từ bỏ tư tưởng coi mình là nước có sứ mệnh khai hóa mà chỉ trao đổi các vai trò chức năng với Mỹ một cách chậm chạp và bí mật đối với toàn bộ thế giới còn lại, và bằng cách đó “sắp xếp lại” chiến lược bành trướng Anglo-Saxon.

Trước kia, I. V Stalin đã bày tỏ sự hoài nghi về việc Vương quốc Anh bị suy yếu do

* SSHA-Kanada: ekonomika, politika, kultura (Nga), số 1-2011, tr.99-108.

Thế chiến thứ hai sẽ bằng lòng với vai trò thứ yếu trong nền kinh tế thế giới. “Liệu có thể cho rằng, họ (nước Anh và Pháp) sẽ mãi cam chịu vị thế hiện nay, khi mà nhân cơ hội “giúp đỡ” theo kênh “kế hoạch Marshall” người Mỹ đang thâm nhập vào nền kinh tế của Anh và Pháp, cố gắng biến nền kinh tế đó thành phần phụ của nền kinh tế nước Mỹ, khi mà giới tư bản Mỹ chiếm lĩnh nguyên liệu và các thị trường tiêu thụ ở các thuộc địa của Anh - Pháp và từ đó, chuẩn bị gây thảm họa cho các khoản lợi nhuận cao của giới tư bản Anh - Pháp? Liệu sẽ là đúng đắn hơn khi nói rằng, nước Anh tư bản chủ nghĩa và tiếp sau đó là nước Pháp tư bản chủ nghĩa, cuối cùng sẽ buộc phải vùng ra khỏi vòng tay của Mỹ và xung đột với Mỹ để bảo đảm cho mình vị thế tự chủ và lẽ dĩ nhiên là cả các khoản lợi nhuận cao?”

Khi đánh giá tiềm lực của nền văn minh Anglo-Saxon, vào đầu thế kỷ XX, nhà chính luận và đồng thời là nhà phê bình nổi tiếng người Nga I. V. Shklovskii đã nhận định: “Thế giới Anglo-Saxon trong suốt lịch sử của mình và trong nhiều thế kỷ sẽ vẫn đi trước nhân loại, nhưng trong thế giới ấy có thể sẽ có sự chuyển dịch trọng tâm sức mạnh từ nước Anh đã bị đông cứng sang nước cộng hòa ở bên kia Đại Tây Dương, chẳng hạn như sang Canada hoặc Australia”. I.V. Shklovskii chỉ nhầm lẫn trong việc xác định vị trí địa lý nhưng ông đã dự báo hoàn toàn chính xác chiến lược vươn ra toàn cầu của nền văn minh Anglo-Saxon. Nhà sử học Anh E. Roberts nhận định “người Anh đã di cư sang bên kia Đại Tây Dương để tiếp tục sự thống trị thế giới của mình, họ đã gắn kết chặt chẽ sự hùng tráng hậu đế chế của mình vào dự án lịch sử hiện đại của Mỹ”.

Khi đánh giá đúng nước Mỹ với tính cách là động lực phát triển của thế giới hiện đại, nhưng cũng cần phải chú ý đến sự thực rằng, xét về bản chất, dân tộc Bắc Mỹ - đó chỉ là một nhánh của cây gia tộc Anglo-Saxon mà ngay từ khi ra đời đã bị tước mất nền tảng phù hợp để nảy sinh các truyền thống có tính chất quý tộc cũng như để hình thành tính đồng nhất đặc biệt. Chủ nghĩa bành trướng Mỹ dựa chủ yếu trên lối tư duy “mang tính đảo” của người Anh mà lối tư duy đó đã được đưa đến châu Mỹ cùng với “sự thèm khát đất” và nỗi sợ hãi không có đủ không gian sinh sống.

Dân tộc Bắc Mỹ đã được hình thành dưới ảnh hưởng của các tư tưởng của đạo Tin lành kế thừa của Vương quốc Anh, của các truyền thống pháp luật phổ biến của Anh, của các quyền tự do công dân và chính trị. Người Mỹ đã tiếp thụ từ người Anh không chỉ các phương pháp của cuộc cách mạng công nghiệp mà còn tích cực tiếp thụ cả các xu hướng thịnh hành ở Anh trong lĩnh vực hội họa, nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc.

Trong thời gian xâm chiếm châu Mỹ làm thuộc địa, các giai cấp thống trị, đặc biệt là các chủ đồn điền miền Nam luôn muốn làm theo người Anh trong mọi thứ và điều đó đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho nền văn hoá khá phát triển của nước Anh. Nhà của chủ đồn điền dùng đồ gỗ của Anh, bản thân chủ đồn điền thì mặc y phục của Anh và đội tóc giả, đọc các tiểu thuyết Anh.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

XÂY DỰNG XÃ HỘI TỪ LÒNG HÀO HIỆP VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CHÂU ÂU*

NATACHA NICAISE

Bài viết này quan tâm đến vấn đề quá trình xây dựng xã hội mang giá trị của lòng hào hiệp nhằm biện minh cho chính sách phát triển châu Âu, ở thời kỳ hiện nay (từ năm 2000 đến năm 2005) và ở thời điểm tạo dựng chính sách phát triển châu Âu đầu tiên, chính sách liên kết (1957 - 1963). Bài báo đề cập đến những điều kiện phát sinh của các chiến dịch và các phương tiện thông tin công cộng về chủ đề phát triển, cách thức vận hành của những phương tiện đó, những thiết chế làm ra chúng, những “chuyên gia của châu Âu”, sáng tạo ra chúng và động cơ của họ, những hiểu biết và những cách làm được sử dụng để quan sát xem những cơ cấu nội dung góp phần tạo nên phạm vi hiểu biết, phạm vi thực hành và phạm vi nghề nghiệp liên quan đến loại hình phát triển của Liên minh châu Âu (EU) đã được xây dựng nên như thế nào.

Tại Bỉ, đất nước nơi tôi lớn lên, một đứa trẻ cần nhằn cau có vì phải ăn hết thức ăn trong đĩa khi ăn tối ở nhà hay ở căng tin của trường, dưới cái nhìn đầy chê bai của người khác, sớm muộn sẽ nghe thấy: “Hãy nghĩ đến tất cả những đứa trẻ châu Phi đang chết đói!”. Việc không thấy ngon miệng trở thành một vấn đề nghiêm trọng nếu người ta đặt nó trong mối quan hệ với nạn đói ở châu Phi. Tôi vẫn nhớ cái cách mà điều lưu ý đó ăn sâu vào tâm trí trẻ thơ của tôi: nếu tôi bỏ chỗ thức ăn còn lại

trong đĩa vào thùng rác, tôi phải chịu trách nhiệm cho cái chết của một đứa trẻ châu Phi. Sau khi bị chỉ trích thì có lẽ rau dền nguội tanh và đắng bị đẩy ra mép đĩa cũng không khó nuốt lắm so với việc phải chịu trách nhiệm cho một tội ác còn dã man hơn bọn tội phạm vì nạn nhân là những đứa trẻ đang chết đói. Những ý tưởng mà tôi có được về châu Phi là: một vùng đất xa xôi, vàng, khô, có rất nhiều động vật hoang dã và được kín đáo thêm vào một nhân tố mới nữa: mảnh đất với rất nhiều trẻ em chết đói. Lời nhận định này có tính chất giai thoại. Tuy nhiên điều đó làm sáng tỏ một sự việc lạ lùng nếu chúng ta nhớ lại quá khứ của nước thực dân Bỉ cũ: một cảm xúc lan tỏa về trách nhiệm vật chất và tinh thần, về nhiệm vụ giúp đỡ, lòng thương xót, sự hào hiệp và đồng thời cả sự hạ cố ban ơn, về đầu óc gia trưởng, cảm giác tội lỗi, sự cao thượng được thể hiện trong rất nhiều giả định tầm thường và bác học về chủ đề các dân tộc được coi là “đang phát triển”.

Cảm xúc lan tỏa, phức tạp và nghịch lý này được truyền bá rất nhiều bởi các chiến dịch khơi gợi lòng trắc ẩn của các tổ chức phát triển phi chính phủ và các tổ chức quốc tế. Những tổ chức này truyền tải đến mọi người hình ảnh của những dân tộc bị tước đoạt đến cùng cực, đang chết dần chết mòn trong những điều kiện sống rất khủng khiếp và “cần

* Revue de Tiers Monde (Pháp), số 200, tháng 10 và 11-2009, tr.67-83.

sự trợ giúp khẩn cấp”. Hình ảnh đó dựa trên một cách nhìn nhận (Bhabha, 1990) đặt mối liên hệ giữa “châu Phi nghèo đói” và “châu Âu giàu có”, thể hiện hai kiểu mẫu nhân vật cố định trong mối quan hệ có thứ bậc trên dưới, mang dấu ấn chủng tộc rõ nét: kẻ chết (người da đen) và kẻ sống (người da trắng); trách nhiệm đối với sự sống còn của kẻ đang hấp hối được đặt ra như một hành động cấp bách đối với kẻ sống. Tinh thần đoàn kết mà các tổ chức phát triển muốn tìm kiếm được truyền đạt dưới hình thức một mệnh lệnh đạo đức, bằng cách kêu gọi sự cảm thông của người xem, kêu gọi lòng trắc ẩn, lòng bác ái, nghĩa vụ tương trợ và lòng hào hiệp. Những chiến dịch này cho phép thấy được tầm soi rọi rộng rãi của các giá trị đạo đức đi kèm với những chính sách hợp tác phát triển, rất nhiều giá trị có thể nhập nhằng và cùng tồn tại ở nhiều mức độ khác nhau và làm ta nghĩ đến tính nhân văn và/hay thiên chúa giáo.

Để hiểu rõ hơn sự phức tạp của những ý nghĩa xã hội của các chính sách phát triển (hay chính sách hợp tác quốc tế, chính sách hợp tác phát triển, v.v), khả năng phân tích nằm ngay trong các nghiên cứu về sự phát sinh xã hội của những chính sách này xét đến vô số cấp độ (Revel, 1996) của các tiến trình xã hội tạo nên chúng. Từ quan điểm đó, không chỉ có các chính sách và các quan hệ hợp tác quốc tế mà cả các cuộc đối thoại về “sự phát triển của các nước phía Nam” đều được xem xét như sản phẩm của một hình thể các tiến trình xã hội phụ thuộc lẫn nhau về lâu dài (Elias, 2006) mà những ý nghĩa của nó được tạo dựng bởi sự gắn kết và sự huy động những logic khác nhau - thuộc cá nhân, nghề nghiệp, nhà nước, quốc gia và quốc tế. Góc độ lý thuyết và phương pháp luận này

cho phép nhận xét rằng trong quá trình tạo nên những ý nghĩa xã hội của các chính sách phát triển, những động cơ, những khuynh hướng và những thuyết minh về đời sống của “các chuyên gia phát triển” (Nicaise, 2007) cũng có những ý nghĩa quan trọng như hoạt động của giới quan chức ở các cơ quan hợp tác, những cơ quan đã tạo nên những cơ cấu nhận thức bền vững để xã hội sống và nghĩ, và cũng có ý nghĩa quan trọng như logic của các chính sách quốc gia và quốc tế, những chính sách tạo nên khuôn khổ “vĩ mô trong đó người ta thương lượng những can thiệp hợp tác song phương hay đa phương.

Trong bài viết này, tôi quan tâm đến vấn đề quá trình xây dựng xã hội mang giá trị của lòng hào hiệp. Tôi sẽ giải thích những điều kiện dẫn đến những biện minh luôn đi kèm các chính sách phát triển châu Âu, phương thức vận hành của các chính sách này, các cơ quan tạo ra chúng, các “chuyên gia của châu Âu” (Dezalay, Cohen, Marchetti, 2007) đã tạo ra những chính sách và động cơ của họ, sự hiểu biết và những thực tiễn trong cuộc, để quan sát xem các cấu trúc nội dung (Thomas, 1994; Said, 1997) từng góp phần vào phạm vi hiểu biết, phạm vi thực hiện và phạm vi nghề nghiệp liên quan đến loại hình phát triển của Liên minh châu Âu (EU), đã được xây dựng như thế nào. Hai thời kỳ sẽ được đề cập đến là: thời kỳ hiện nay và thời kỳ ra đời chính sách phát triển châu Âu đầu tiên, chính sách liên kết (1957- 1963).

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

NICOLAS SARKOZY VÀ NHỮNG CẢI CÁCH*

PIERRE YVES COSSÉ

Những nhược điểm của Tổng thống Sarkozy đã quá rõ: cá nhân hóa quyền lực quá đáng, sự lẫn lộn giữa các vai trò, kích động với sự ba hoa thái quá, chỉ chú trọng đến cái bề ngoài và những chuyện tức thời, thiếu hiểu biết về kinh tế. Tất cả sẽ đều được bỏ qua nếu các hoạt động chính trị của ông đem lại thay đổi và giúp ông thành công ở những địa hạt mà các vị tiền nhiệm đã thất bại: Liệu Nicolas Sarkozy có phải là nhà cải cách mà nước Pháp cần để chấm dứt tình trạng tụt hậu của mình?

Thật khó để có câu trả lời khách quan. Vì những phản ứng của con người đều chịu tác động của cảm xúc. Sự tụt hậu dường như là chưa đủ, những hậu quả tai hại thường sẽ xuất hiện trước tiên. Những gì chúng ta biết có thể chỉ là một phần. Bản thân Bộ trưởng Ngân sách và cải cách chỉ ra rằng do thiếu tài liệu tổng kết nên việc đánh giá các kết quả chỉ có thể thực hiện được khi Tổng thống Sarkozy kết thúc nhiệm kỳ vào năm 2011.

Và quá trình này vẫn tiếp diễn. Tiếp theo thời kỳ Chirac không định hình là chế độ Sarkozy cuống cuống không yên. Những thông báo và hậu quả bất ngờ cứ nối tiếp nhau, những cải cách đan xen vào nhau. Khó mà phân biệt lời nói và việc làm, dự án và hiện thực. Tất cả câu trả lời hiện nay chỉ là một phần và tạm thời. Những tranh cãi (cải cách về tư pháp, thuế khí thải cacbon, quảng

cáo trên truyền hình) tăng gấp bội càng làm trầm trọng thêm cảm giác bấp bênh.

Các nhà giám định ở đâu?

Cụm từ “đánh giá” trở thành trào lưu, có tất cả 10 dòng xuất hiện trong bản báo cáo Attali, bản báo cáo về vấn đề giải phóng nền kinh tế Pháp. Nhưng có rất ít nhà giám định chính sách công cộng. Khi chính phủ buôn bán cả những cải cách, thông báo của họ trên các phương tiện truyền thông đều phiến diện, bị cắt bớt, đôi khi còn là những lời nói dối. Cải cách taxi là một minh chứng.

Các đại biểu quốc hội đã bị vô hiệu hóa vì phải đảm nhiệm nhiều chức vụ cùng một lúc và công việc đảm nhận trong đảng. Thế nên họ chẳng làm được một công việc nào một cách có hệ thống, trừ một vài ủy ban quốc hội, thường là các ủy ban thuộc thượng viện như ủy ban xã hội của thượng viện về các chế độ hưu trí đặc biệt.

Các phương tiện truyền thông chỉ tập trung chú ý đến các tuyên bố cải cách mà chẳng mấy khi quan tâm đến việc thực hiện những tuyên bố này cũng như kết quả của chúng ra sao. Điều đó rất phức tạp và họ cũng không có đủ phương tiện để tìm hiểu.

Phe đối lập, mà trước hết là Đảng xã hội cảm thấy không cần thiết phải đánh giá những cải cách này vì họ đã tố cáo rằng tất cả cải cách đều rất tồi tệ. Cái xấu chỉ có thể để ra cái xấu.

* Débat (Pháp), tháng 3 và 4-2010, tr.58-67.

Các giám định công quyền thì chẳng vội vàng, như ở Tòa kiểm toán chẳng hạn. Các chuyên gia đôi khi cũng lẫn lộn giữa tranh luận và phân tích.

Những người chủ chốt thì thường thiên vị, các viên chức thì lo lắng và rối cả lên, các nhóm có thể lực thì đồng lõa hoặc chống đối. Công chúng vốn hoài nghi đã nhận ra ngay từ đầu những hậu quả tiêu cực: việc bố trí thực hiện không đầy đủ, sự vô tổ chức của các cơ quan và đôi lúc là tình trạng uể oải của các viên chức.

Thí dụ về cải cách tư pháp, chủ yếu là việc bãi bỏ 118 tòa án các cấp là một minh chứng. Năm 2010 chỉ thấy những hậu quả tiêu cực: khoảng cách giữa cấp xét xử và những gì thuộc về quyền xét xử, sự tắc nghẽn trong các tòa án sau khi sát nhập các tòa án, do các phương tiện không được tăng cường đầy đủ, chi phí cho các khoản công cộng (chủ yếu là các chi phí về bất động sản), sự bấp bênh pháp lý trong việc chờ đợi 100 ngày kháng án trước Hội đồng Nhà nước (bộ tư pháp không tuân thủ các quy định về thủ tục), giảm việc làm tại các thành phố nhỏ vốn thường bị suy yếu bởi những hủy bỏ khác về các cơ quan công quyền (tòa án thương mại), cần phải làm lại một bản tổng kết khác trong 5 năm tới.

Một khó khăn lớn nữa là: khó có thể xác định được phạm vi đánh giá. Thực tế thì không thể đánh giá một chính sách công cộng nếu không đối chiếu với những mục tiêu của nó. Và những mục tiêu này, dù có chủ ý hay không, có thể được giới thiệu một cách không rõ ràng hoặc chỉ được giới thiệu một phần.

Đối với ngành bưu điện cũng như vậy. Mục tiêu là phát triển một xã hội riêng tư với sự can thiệp tối thiểu của chính phủ để tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tác trong nước cũng

như ở nước ngoài. Giai đoạn mà xã hội vô danh với sự can thiệp phần lớn của Nhà nước là tất yếu về mặt chính trị. Thế nhưng điều này lại được đưa ra như là một mục tiêu sau cùng. Thế là một cải cách có thể ẩn sau một cải cách khác. Một vài cải cách chỉ được nhận định như bước đệm cho một cải cách về sau này. Chính là sự khởi động và động thái tiếp theo còn quan trọng hơn là giai đoạn đầu tiên.

Vấn đề phương pháp cải cách

Liệu có tồn tại một phương pháp nào phù hợp để cải cách nước Pháp? Và chúng ta sẽ nghĩ gì về phương pháp Sarkozy?

Người ta đã từng bàn về một chiến lược nghệt thỏ nhằm thường xuyên mở ra các công trường mới, làm phe đối lập mất phương hướng và tạo ra một động lực thuận lợi cho những cải cách. Chiến lược hòa giải cũng được đề cập đến. Tuy nhiên những tư vấn của các tổ chức nghề nghiệp - xã hội cũng chỉ giải quyết được một phần hoặc có phần vội vàng.

Dù sao thì Tổng thống cũng đã nhanh chóng đưa ra các cải cách khó khăn, những cải cách mà ông đã tuyên bố trong suốt cuộc vận động tranh cử tổng thống như: cải cách về chế độ hưu trí đặc biệt vốn lợi dụng “việc được chiếu cố”, những chính sách ở mức độ cao nhất như sự sửa đổi toàn bộ các chính sách công cộng (RGPP) mà ủy ban đứng đầu [trụ sở chính] nằm ở điện Elysée dưới sự chủ trì của tổng thư ký với sự tham gia của các bộ trưởng.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:

VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC

Điện thoại: 04 62827862;

E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

SIÊU CƯỜNG KHÔNG CÓ QUYỀN VỀ HƯU: ĐẤT NƯỚC CHÚNG TA MỆT MỎI SẼ NỢ GÌ THẾ GIỚI?*

ROBERT KAGAN

Cách đây gần 70 năm, một trật tự thế giới mới đã hình thành từ đống hoang tàn của Thế chiến thứ hai. Trung tâm của trật tự mới này là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ngày hôm nay, ở trật tự thế giới đó đã xuất hiện những vết nứt. Thực ra thì những khủng hoảng ví dụ như giữa Nga và Ukraine hay như ở Syria không phải là hy hữu và cũng chẳng phải là không kiểm soát nổi. Ngay cả những phản ứng rụt rè của Liên Hiệp Quốc trước các biến động tại Ukraine, rồi các vụ nổi dậy tại Trung Cận Đông, tại Bắc Phi, các chiến thắng của lực lượng Thánh chiến khủng bố tại Syria và Iraq, sự căng thẳng mang tính quốc gia chủ nghĩa ngày càng gia tăng giữa các cường quốc tại Đông Á hay là sự lấn lướt của toàn trị và sự thoái lui của dân chủ trên khắp thế giới cũng không là điều đặc biệt và bất khả kháng. Nhưng tất cả những điều đó gộp lại cho thấy một cái gì đó đã thay đổi; và sự thay đổi này diễn ra nhanh hơn chúng ta tưởng. Có vẻ như một trật tự thế giới mới đang xuất hiện.

Nếu thật sự là trật tự thế giới cũ sẽ bị sụp đổ, thì nguyên do không nằm ở sự suy giảm thế lực của Mỹ - sự cường thịnh và vai trò của nước Mỹ vẫn đủ lớn để nó có thể giải quyết thành công các thách thức của thế giới hôm nay. Nguyên do này cũng không nằm ở chỗ các vấn đề chính trị toàn cầu hiện nay ngày

càng trở nên phức tạp và khó giải quyết hơn. Và nguyên do này cũng không đơn giản nằm ở sự mệt mỏi vì chiến tranh. Điều hy hữu là nguyên do này nằm trong đầu của (người Mỹ) chúng ta, đó là vấn đề về bản ngã và sự quyết đoán của người Mỹ. Nhiều người Mỹ và các thủ lĩnh chính trị của cả hai đảng (Dân chủ và Cộng hòa), kể cả Tổng thống Obama đã quên, hoặc lánh xa những cái đã làm nên thành công của ngoại giao Mỹ - trước hết, đó là ý tưởng về một trách nhiệm toàn cầu, trong đó quyền lợi của nước Mỹ được đặt ngang bằng với quyền lợi của nhiều nước khác trên khắp thế giới. Có vẻ như ngày hôm nay người ta lại quay về với những khái niệm lợi ích quốc gia được hiểu theo nghĩa hẹp. Điều này nhiều khi được gọi là “chủ nghĩa cô lập”. Nhưng cụm từ này không đúng. Thực chất, nó chính là một nỗ lực tiến tới sự bình thường. Đằng sau sự bức bối của người Mỹ muốn tiếp tục đảm đương vai trò cũ là lòng mong mỏi muốn rũ bỏ những gánh nặng trách nhiệm mà các thế hệ trước đã tự lãnh nhận trong Thế chiến thứ hai và trong toàn bộ tiến trình Chiến tranh Lạnh. Nước Mỹ muốn trở lại thành một quốc gia “bình thường”, muốn quan tâm nhiều hơn tới những nhu cầu riêng và cắt giảm sự chú ý tới những nhu cầu của thế giới.

Để có thể hiểu Mỹ và nhân loại có thể sẽ tiến tới đâu, chúng ta cần phải nhớ lại trong

* Tạp chí Foreign Policy (Mỹ), ngày 26-5-2014.

quá khứ người Mỹ đã quyết định như thế nào, và đã tạo ra những biến đổi sâu sắc như thế nào cho thế giới. Cái đã xảy ra trước đây gần 70 năm là một cuộc cách mạng trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Trước đó, tức là trước Thế chiến 2, Mỹ luôn từ chối những đóng góp toàn cầu mang tính dài hạn. Đối với phần lớn người Mỹ, đó là sự trả lời hợp lý nhất cho thế giới trong những năm XX (của thế kỷ trước). Khi đó, hầu như đe dọa không hiển hiện: người ta cho rằng nền Cộng hoà Weimar non yếu rồi sẽ nhanh chóng sụp đổ trước khi nước Đức một lần nữa tìm cách thống trị châu Âu. Nước Nga thì kiệt quệ vì nội chiến và khủng hoảng kinh tế. Và mặc dù đang theo đuổi những ý đồ to lớn thì ở Nhật Bản vẫn có một nền dân chủ mong manh.

Người Mỹ vẫn tiếp tục giữ đường lối bình thường ngay cả khi trật tự thế giới khi đó bị tẩy xóa và sụp đổ: bắt đầu bằng sự tiến quân của Nhật Bản vào Mãn Châu năm 1931 cho đến khi nước Áo sáp nhập vào nước Đức của Hitler và tiếp theo là sự thôn tính Tiệp Khắc năm 1938/1939 của nước Đức Quốc xã. Những sự kiện này làm cho người Mỹ kinh hoàng, nhưng họ vẫn không nhìn thấy sự cần thiết phải ra tay.

Ngay cả khi quân Đức tràn vào Ba Lan năm 1939 và Thế chiến 2 bùng nổ, những sách lược gia Mỹ vẫn tuyên bố rằng nước Mỹ là bất khả xâm phạm, nước Mỹ được bảo vệ bởi hai đại dương và có trong tay một lực lượng hải quân hùng mạnh. Nhận thức này phổ cập đến mức một vị Tổng thống có đầu óc toàn cầu như Franklin Roosevelt cũng e dè trong ăn nói và phải hứa hẹn rằng nước Mỹ sẽ không tham gia chiến tranh. Trong một diễn văn nổi tiếng vào năm 1936, ông tuyên bố: "Tôi căm ghét chiến tranh!" Nhưng

hai năm sau đó, khi Hiệp ước Munchen được ký kết, ông ta mới phát hoảng và bắt đầu cảm thấy rằng những cường quốc Tây Âu như Anh và Pháp đã mất hết quyết tâm đương đầu với Hitler. Chỉ khi đó Roosevelt mới bắt đầu cảnh báo người Mỹ về một hiểm họa đang bùng phát.

Quyết định tham chiến chỉ diễn ra sau vụ Trân Châu cảng. Cuộc tấn công năm 1941 của Nhật vào Hạm đội Thái Bình Dương, tuyên bố chiến tranh của Hitler sau đó và cuộc tham chiến toàn diện của Mỹ vào các xung đột tại châu Âu và châu Á là một cú sốc với người Mỹ. Lòng tin của (người Mỹ) chúng ta rằng nước Mỹ vẫn ổn vững giữa một thế giới hỗn loạn đã vỡ vụn trong một ngày. Những sự kiện năm 1941 đòi hỏi phải có một định nghĩa mới cho khái niệm quyền lợi của nước Mỹ. Thêm vào đó, người ta hiểu ra rằng sự thịnh vượng và ngay cả an ninh của nước Mỹ cũng phụ thuộc vào một nền kinh tế toàn cầu lành mạnh.

Với nhận thức rằng nguồn gốc của Thế chiến 2 nằm ở sự sụp đổ của trật tự thế giới trên các mặt chính trị, kinh tế và sách lược, ngay sau khi nhảy vào cuộc chiến, chính phủ Mỹ bắt đầu triển khai một trật tự thế giới lâu dài mới. Lần này, nó phải là một trật tự thế giới dựa trên sức mạnh kinh tế", chính trị và quân sự của Mỹ. Người châu Âu đã tự chứng tỏ rằng họ bất lực khi phải gìn giữ hòa bình. . Mỹ đứng ra đảm lãnh vai trò quyết định trong việc chiếm đóng và chuyển hóa các nước bại trận.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

KHỦNG HOẢNG NGÀNH NĂNG LƯỢNG SẠCH HOA KỲ THỰC TẾ ẨM ĐẠM CỦA NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO*

DAVID G.VICTOR,
KASSIA YANOSEK

Sau nhiều năm phát triển chao đảo, ngành công nghiệp năng lượng sạch Hoa Kỳ đang lao đầu vào một khủng hoảng, ở hầu hết các nước phương Tây dẫn đầu về ngành công nghiệp này, nguồn trợ cấp công thức đẩy nó tới mức phát triển 25% hàng năm nay đã không còn vững bền nữa trên phương diện chính trị. Các chương trình kích thích tạm thời của chính phủ, trong năm 2010 đã cung cấp 1/5 lượng đầu tư vào năng lượng sạch trên toàn thế giới, đơn thuần chỉ trì hoãn những tin tức xấu. Năm ngoái, lần đầu tiên sau 20 năm phát triển, số lượng tuabin gió mới lắp đặt đã giảm; và ở Mỹ con số này giảm còn một nửa. Giá trị thị trường của các công ty sản xuất thiết bị năng lượng sạch hàng đầu giảm mạnh và có thể sẽ thảm hại hơn nữa khi sự ủng hộ của chính phủ cho ngành công nghiệp này suy giảm.

Cuộc khủng hoảng sắp tới có thể khiến một số thách thức khó khăn nhất đối với các chính sách đối ngoại của Mỹ - từ sự bất ổn an ninh năng lượng tới thâm hụt thương mại rồi sự nóng lên toàn cầu - thậm chí còn khó giải quyết hơn. Cuộc cách mạng về nguồn năng lượng sạch được cho là sẽ giúp giải quyết những vấn đề trên, đồng thời tạo ra công việc xanh góp phần phục hồi kinh tế. Một số lĩnh vực trong ngành năng lượng sạch vẫn tạo ra

lợi nhuận, chẳng hạn như việc lắp đặt pin năng lượng mặt trời trên mái nhà của khu dân cư và nhiên liệu sinh học được làm từ mía đường của Brazil cũng đã cạnh tranh được với nhiên liệu dầu hỏa. Nhưng nhìn tổng thể, bức tranh chung là ảm đạm. Điều này là không chỉ đúng với nước Mỹ mà còn với các nước khác trên thế giới, bởi vì thị trường cho công nghệ năng lượng sạch là toàn cầu.

Cuộc khủng hoảng này sẽ làm cho ngành công nghiệp năng lượng sạch mạnh hay yếu đi phụ thuộc vào việc các nhà hoạch định chính sách, đặc biệt ở Mỹ chuẩn bị như thế nào cho nó. Nguyên nhân sâu xa của vấn đề đó là chu kì thăng trầm của các chính sách đã khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư hàng loạt cho các dự án năng lượng sạch nhanh và dễ xây dựng hơn là đầu tư vào những công nghệ đổi mới mà có thể tạo cơ hội cạnh tranh tốt hơn với nguồn năng lượng thông thường trong một thời gian dài. Thật vậy, gần 7/8 tổng đầu tư cho năng lượng sạch trên toàn cầu hiện đang đi vào triển khai các công nghệ hiện có, mà hầu hết không thể cạnh tranh nếu không có các khoản trợ cấp từ chính phủ. Chỉ có một phần đầu tư rất nhỏ tập trung vào đổi mới công nghệ.

Các giải pháp phải bắt đầu với các chính sách dài hạn nhất quán hơn, ít phụ thuộc vào

* Tạp chí Foreign Affairs (Mỹ), tháng 7 và 8-2013.

các khoản trợ cấp và ít bị ảnh hưởng do cắt giảm trong thời gian gần đây vì chính sách tài khóa. Thay vì phụ thuộc vào chính sách khuyến khích “đẩy”, một chiến lược mới cần phải ưu tiên cho các chính sách “kéo” các công nghệ năng lượng sạch mới vào thị trường, chẳng hạn như quy định yêu cầu năng lượng dẫn phải được sản xuất từ nguồn sạch nhiều hơn. Các nguồn quỹ công nên được chuyển sang việc phát triển và thử nghiệm nhiều cải tiến triệt để hơn về nhiên liệu sinh học và điện năng, bao gồm cả những cải tiến nguồn dự trữ năng lượng cần thiết để đối phó với sự gián đoạn về năng lượng gió và mặt trời. Đồng thời, nhiều việc cần phải thực hiện hơn nữa để khuyến khích cải tiến và tiếp cận với các thị trường ở những nước đang nổi như Trung Quốc, nơi mà nhu cầu về năng lượng đang tăng. Một thị trường năng lượng sạch toàn cầu mở và cạnh tranh trên cơ sở chiến lược năng lượng sạch theo định hướng đổi mới có thể tạo ra một cuộc cách mạng năng lượng sạch thật sự.

Phân tích cuộc khủng hoảng

Kinh doanh năng lượng sạch, như nhiều ngành công nghiệp mới, khá phụ thuộc vào sự trợ giúp của chính phủ. Chính phủ có nhiều cách để tạo ảnh hưởng cho công cuộc đổi mới, nhưng trong ngành công nghiệp năng lượng, điều quan trọng nhất là tập trung giải quyết hai vấn đề. Thứ nhất là khoảng cách công nghệ và thiếu nguồn cung công nghệ đáng tin cậy. Chính phủ Mỹ và một số công ty tư nhân góp phần thu hẹp khoảng cách này bằng việc tài trợ cho nghiên cứu cơ bản và ủng hộ một số dự án có triển vọng nhất, ví dụ như phát minh ra các sinh vật có thể tạo ra nhiên liệu sinh học. Trở ngại thứ hai là khoảng cách thương mại hóa. Công nghệ mới thường đòi

hỏi sự đầu tư lớn vào thử nghiệm trên quy mô thương mại hóa trước khi doanh nghiệp tư nhân có khả năng hoàn toàn tự hỗ trợ.

Việc xóa khoảng cách thương mại hóa phức tạp hơn nhiều so với xóa khoảng cách công nghệ bởi vì chi phí lớn hơn và các chính sách tốt nhất đòi hỏi các cơ quan chính phủ làm việc cùng với các doanh nghiệp tư nhân mà không làm tổn hại đến tính cạnh tranh của thị trường - là một hành động cân bằng tinh tế. Và đó chính là lĩnh vực mà ngành công nghệ năng lượng sạch đang gặp vấn đề nhất hiện nay. Nhiều ý tưởng cải tiến xuất hiện trong phòng thí nghiệm và thậm chí huy động được vốn đầu tư giai đoạn đầu. Tuy nhiên, những ý tưởng này thường chẳng đi đến đâu bởi khi nó được đưa vào thử nghiệm và triển khai thí điểm, chính phủ ở các nước chỉ chủ yếu ủng hộ các dự án ít rủi ro nhất nhưng thường ít được cải tiến nhất. Những ví dụ bao gồm nhiên liệu sinh học có nguồn gốc từ các cây lương thực và các nông trại gió trên bờ biển - đó là những công nghệ thu hút phần lớn khoản tài trợ, hướng các nhà đầu tư về phía các công nghệ hiện có hơn là những đổi mới. Mô hình này đã vô tình tạo ra một ngành công nghiệp không có khả năng mở rộng và cạnh tranh với các nguồn năng lượng hiện thời mà không có sự trợ giúp của Chính phủ. Ví dụ như ở Mỹ, các khoản khấu trừ thuế và lợi nhuận khấu hao chiếm hơn nửa lợi nhuận sau thuế của các nông trại gió thông thường.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

THẾ KỶ THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ*

HILLARY CLINTON

Tương lai của các hoạt động chính trị sẽ được quyết định ở châu Á, chứ không phải ở Afghanistan hay Iraq, và Mỹ sẽ ở trung tâm của hành động đó.

Khi cuộc chiến tranh ở Iraq lắng xuống và Mỹ bắt đầu rút các lực lượng của mình khỏi Afghanistan, Mỹ đứng ở vị trí trụ cột. Trong 10 năm qua, nước Mỹ đã dành các nguồn tài lực lớn cho hai chiến trường đó. Trong 10 năm tới, nước Mỹ cần khôn ngoan và có phương pháp về việc đầu tư thời gian và năng lực vào đâu, vì vậy nước Mỹ tự đặt mình vào vị trí tốt nhất để duy trì vai trò lãnh đạo, đảm bảo những lợi ích và thúc đẩy những giá trị Mỹ. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của nghệ thuật quản lý nhà nước của Mỹ trong thập kỷ tới vì thế sẽ gắn chặt vào sự đầu tư gia tăng đáng kể - về ngoại giao, kinh tế, chiến lược, và các lĩnh vực khác - ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Châu Á - Thái Bình Dương đã trở thành nơi thúc đẩy then chốt các hoạt động chính trị toàn cầu. Trải dài từ tiểu lục địa Ấn Độ cho đến bờ biển phía tây châu Mỹ, khu vực này kéo dài qua hai đại dương - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương — mà ngày càng được kết nối bằng vận chuyển và chiến lược. Khu vực này tự hào chiếm gần một nửa dân số thế giới, bao gồm nhiều trong số những đầu tàu then chốt của nền kinh tế toàn cầu, cũng như các nước xả khí thải lớn nhất gây

hiệu ứng nhà kính. Đây là nơi có một số đồng minh then chốt của chúng ta và các nước lớn quan trọng đang nổi lên như Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia.

Vào thời điểm khi mà khu vực này đang xây dựng một cơ cấu an ninh và kinh tế phát triển hơn nhằm thúc đẩy sự ổn định và thịnh vượng thì cam kết của Mỹ ở đây là điều thiết yếu. Cam kết này sẽ góp phần xây dựng cơ cấu đó và có lợi cho sự lãnh đạo tiếp tục của Mỹ trong thế kỷ này, cũng giống như cam kết của Mỹ sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai về việc xây dựng một mạng lưới thể chế và các mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương toàn diện và lâu dài đã nhiều lần thành công - và tiếp tục làm như vậy. Đã đến lúc Mỹ thực hiện những đầu tư tương tự với tư cách là một cường quốc Thái Bình Dương, một tiến trình chiến lược được Tổng thống Barack Obama vạch ra ngay từ khởi đầu chính quyền của ông và một tiến trình đã mang lại những lợi ích.

Với Iraq và Afghanistan vẫn ở trong thời kỳ quá độ và những thách thức kinh tế nghiêm trọng ở trong nước Mỹ, có những người trên chính trường Mỹ kêu gọi chúng tôi không nên bố trí lại, mà nên rút về nước. Họ tìm cách giảm bớt quy mô can dự ở nước ngoài của nước Mỹ có lợi cho những ưu tiên cấp bách trong nước. Những thôi thúc này là có thể hiểu được, nhưng họ đã sai lầm. Những người nói rằng nước Mỹ có thể không

* Tạp chí Foreign Policy (Mỹ), tháng 11-2011.

còn khả năng can dự với thế giới chính xác là lạc hậu, bởi nước Mỹ không thể không làm điều đó. Từ việc mở cửa các thị trường mới cho các doanh nghiệp Mỹ đến kiểm chế phổ biến vũ khí hạt nhân cho đến việc giữ cho các tuyến đường biển tự do để hoạt động thương mại và hàng hải, việc làm của Mỹ ở nước ngoài nắm giữ chìa khoá cho sự thịnh vượng và an ninh trong nước của chính nước Mỹ. Trong hơn 6 thập kỷ, Mỹ đã củng cố lại lực hấp dẫn của các cuộc tranh luận “rút về nước” này và logic ngấm ngấm được - mất ngang nhau của những lập luận này. Nước Mỹ phải làm như vậy một lần nữa.

Bên ngoài biên giới nước Mỹ, người ta cũng đang phân vân về những ý định của chúng ta - sự sẵn sàng can dự và lãnh đạo. Ở châu Á, họ phân vân không biết nước Mỹ có thực sự ở lại đó hay không, liệu nước Mỹ có thể đưa ra - và giữ vững - những cam kết kinh tế và chiến lược đáng tin cậy hay không, và liệu có thể hỗ trợ những cam kết đó bằng hành động hay không. Câu trả lời là: chúng ta có thể, và chúng ta sẽ làm như thế.

Khai thác sự tăng trưởng và năng động của châu Á là trọng tâm đối với những lợi ích kinh tế và chiến lược của Mỹ và là một ưu tiên then chốt đối với Tổng thống Obama. Các thị trường mở cửa ở châu Á tạo cho Mỹ những cơ hội chưa từng có để đầu tư, buôn bán, và tiếp cận công nghệ tiên tiến. Sự phục hồi kinh tế ở trong nước sẽ phụ thuộc vào xuất khẩu và khả năng của các công ty Mỹ khai thác cơ sở tiêu dùng rộng lớn và đang gia tăng của châu Á - Thái Bình Dương đang ngày càng mang tính quyết định đối với sự tiến bộ toàn cầu, dù là thông qua việc bảo vệ tự do hàng hải ở Biển Nam Trung Hoa (Biển Đông - ND), chống lại những nỗ lực phổ

biến vũ khí hạt nhân của Bắc Triều Tiên, hay đảm bảo sự công khai minh bạch trong các hoạt động quân sự của các bên tham gia then chốt của khu vực.

Bởi lẽ châu Á mang tính quyết định đối với tương lai của nước Mỹ nên một nước Mỹ can dự cũng sẽ có ý nghĩa sống còn đối với tương lai của châu Á. Có thể nói rằng hơn bao giờ hết trong lịch sử hiện đại, khu vực này tha thiết muốn có sự lãnh đạo và việc kinh doanh của nước Mỹ. Chúng ta là cường quốc duy nhất có một mạng lưới liên minh mạnh mẽ trong khu vực, không có những tham vọng về lãnh thổ, và một thành tích lâu dài về việc mang lại lợi ích chung. Cùng với các đồng minh của mình, nước Mỹ đã nhận trách nhiệm đảm bảo an ninh khu vực trong nhiều thập kỷ - tuần tra các tuyến đường biển châu Á và duy trì sự ổn định - và đến lượt điều đó đã góp phần tạo điều kiện cho sự tăng trưởng. Nước Mỹ đã giúp đỡ hội nhập hàng tỉ người trong khắp khu vực vào nền kinh tế toàn cầu bằng cách thúc đẩy hiệu quả kinh tế, trao quyền xã hội, và các mối quan hệ to lớn hơn giữa người dân với người dân. Nước Mỹ là một đối tác thương mại và đầu tư lớn, một nguồn tạo ra sự đổi mới có lợi cho người lao động và các doanh nghiệp ở cả hai bờ Thái Bình Dương, là nơi học tập của 350.000 sinh viên châu Á mỗi năm, người đấu tranh cho các thị trường mở cửa, và là một quốc gia ủng hộ các quyền phổ biến của con người.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

SỰ BÙNG NỔ TRONG THẾ GIỚI Ả RẬP: BỐI CẢNH BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI*

BORIS DOLGOV

● **Tóm tắt:** Sự “bùng nổ” về chính trị - xã hội trong thế giới Ả-rập làm thay đổi cả bên trong lẫn bên ngoài, nó có nguồn gốc chung cũng như nét đặc trưng dân tộc của do tính đặc thù của lịch sử mỗi nước tạo nên. Sự trầm trọng trong các vấn đề về kinh tế xã hội, tình trạng nhân khẩu - xã hội, tình trạng trì trệ về chính trị, tham nhũng và chế độ gia đình trị của giới cầm quyền cũng có vai trò quan trọng cho dù vấn đề này còn đang bị hoài nghi. Tại một số nước như Yemen, Bahrain và Libya, phong trào ly khai, xung đột giữa các tôn giáo, liên tộc và sự cạnh tranh giữa các bộ lạc là những nguyên nhân hình thành nên các đặc tính về xã hội của những nước này.

Cuối năm 2010 - đầu năm 2011, thế giới Ả-rập bao trùm bởi làn sóng bạo động và nhiều phong trào biểu tình quần chúng khác. Tại Tunisia và Ai Cập, chính phủ đã bị lật đổ, tại Libya một cuộc nội chiến đã nổ ra, tại một số nước như Algeria, Morocco, Mauritania, Jordan, Iraq, Yemen, Bahrain, Sudan, Lebanon đồng loạt diễn ra những cuộc biểu tình chống chính phủ. Tình hình phức tạp tương tự cũng diễn ra tại Kuwait và Đông Ả-rập Saudi.

Nguyên nhân bùng nổ về vấn đề chính trị xã hội tại thế giới Ả-rập bắt nguồn từ bên trong lẫn bên ngoài. Mỗi nước đều có đặc thù riêng được quy định bởi những đặc tính của sự phát triển lịch sử cũng như tình hình cụ thể về kinh tế-xã hội, chính trị và tôn giáo. Nhiều phong trào biểu tình đấu tranh xuất phát chủ yếu từ các yếu tố trong nước - đó là sự trầm trọng của các vấn đề kinh tế xã hội

như thất nghiệp, mức sống thấp của tầng lớp dân nghèo và thiếu triển vọng về cuộc sống đối với phần lớn những người trẻ. Về chính trị, tình trạng tham nhũng và chế độ gia đình trị của giới cầm quyền, sự đàn áp các quyền tự do dân chủ trong việc công nhận chính thức nền dân chủ cũng đóng phần quan trọng.

Một yếu tố quan trọng nữa là đặc điểm về xã hội-nhân khẩu học của các nước Ả-rập. Phần lớn số dân tại đây là những người trẻ có độ tuổi dưới 35 và chiếm đến 50% dân số và chính họ là những người đầu tiên phải hứng chịu các vấn đề về kinh tế và xã hội chưa được giải quyết. Tỷ lệ thất nghiệp ở độ tuổi này đạt tới 50%, trong đó đầu tiên phải kể đến là những sinh viên mới tốt nghiệp, đặc biệt là sinh viên ngành nhân văn, họ không thể tìm được việc sau khi ra trường. Điển hình nhất cho vấn đề này là tại hai quốc gia Tunisia và Ai Cập. Những sinh viên trẻ mới tốt nghiệp

* <http://www.perspektivy.info> (Nga), ngày 15-4-2011.

đại học buộc phải đi làm kinh doanh buôn bán nhỏ, không có thu nhập ổn định, do đó họ thường không có khả năng để lập gia đình, cho dù giá trị gia đình trong xã hội Hồi giáo - Ả-rập được đánh giá rất cao. Chính việc tự thiêu của một thanh niên đại diện cho lớp trẻ này là tia lửa điển hình nhen nhóm cho một ngọn lửa bùng cháy và tạo ra những tiếng nổ cho toàn xã hội Tunisia. Tiếp sau đó sự toan tính tự thiêu của giới trẻ thất nghiệp đã được thực hiện tại nhiều nước Ả-rập khác như Ai Cập, một thanh niên trẻ thất nghiệp đã cố gắng thiêu cháy chính mình trước tòa nhà Quốc hội. Hơn nữa chính trên đất này dân chúng lại có những đặc điểm đặc trưng như sự tự phát triển của ý thức công dân, ước vọng tự do dân chủ, sự ảnh hưởng từ các nước châu Âu, và ở đây một vai trò quan trọng nữa chính là các phương tiện truyền thông điện tử hiện đại mà trong thế giới Ả-rập chúng được phát triển mạnh mẽ đầy đủ, truyền hình vệ tinh và quán cà phê Internet có giá rẻ và dễ tiếp cận đối với mọi tầng lớp dân cư.

Tại một số nước như Yemen, Bahrain và Libya, đặc điểm của tình hình chính trị trong nước là những nguyên nhân hình thành đặc tính kinh tế xã hội. Tại Yemen đó là hoạt động của các nhóm nổi dậy người Shiite ở phía Bắc, phong trào ly khai ở miền Nam và sự ảnh hưởng đáng kể của người Hồi giáo (sự xuất hiện bí mật các cơ sở hồi giáo Al-Qaeda). Tại Bahrain - sự xung đột giữa các tôn giáo Sunni thiểu số (đứng đầu là nhà cầm quyền Al-Khalifa) đấu tranh với đa số người Sunni Shiite nhằm giành quyền bình đẳng. Tại Libya là sự bất mãn với việc gia đình Gaddafi và tộc phái của gia đình ông thâu tóm quyền lực, sự đối đầu của các bộ tộc và liên tộc, những hành động của phái Sufi và nhóm Hồi giáo.

Đối với những yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sự gia tăng các vấn đề kinh tế xã hội trong thế giới Ả-rập trước hết phải kể đến cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế toàn cầu mà chính cuộc khủng hoảng này đã tác động tới nền kinh tế của tất cả các nước Ả-rập với nhiều mức độ khác nhau.

Ví dụ, cuộc khủng hoảng toàn cầu đã dẫn đến sự suy giảm mạnh trong ngành xuất khẩu của Tunisia tới các nước EU, nơi mà nhiều hoạt động sản xuất đã bị ngừng trệ vì khủng hoảng. Lĩnh vực tài chính ngân hàng tại Tunisia đã trải qua những hậu quả vô cùng nặng nề về các vấn đề tài chính trong hệ thống ngân hàng EU đặc biệt là ngân hàng Pháp "Société Generale". Số lượng khách du lịch nước ngoài đặc biệt là khách từ châu Âu tới Tunisia cũng giảm mạnh. Bên cạnh đó các quốc gia thuộc liên minh châu Âu cũng cắt giảm lượng lao động nước ngoài cũng như các sinh viên tốt nghiệp nhập cư, trong đó có những người đến từ hai quốc gia Tunisia và Ai Cập.

Tại Tunisia, vào thời cựu Tổng thống Zine El Abidine Ben Ali, người đã liên tục lãnh đạo đất nước từ năm 1987, chế độ thuế quan bảo hộ và tham nhũng phát triển rất mạnh mẽ. Trong đó 2/3 nền kinh tế đất nước bị kiểm soát bởi gia đình tổng thống và vợ của ông ta là bà Leila Trabelsi. Riêng gia đình của Tổng thống sở hữu vốn 7 tỷ euro. Tuy nhiên, mặt trái của "phép lạ kinh tế Tunisia" lại là sự đàn áp tự do dân sự.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com